

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 41 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Kèm theo Quyết định số ngày tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Số TCTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ghi chú
1	412301	Ngô Xuân Phú	10/12/1998	Hà Nam	Nam	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.99	Khá	
2	412302	Vũ Hồng Nhung	23/07/1997	Bắc Giang	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.04	Khá	
3	412303	Đường Thị Mỹ Hạnh	10/02/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	131	3.08	Khá	
4	412305	Lê Thị Thủy	06/12/1998	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.85	Khá	
5	412306	Bê Thị Thức	17/07/1998	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	131	3.22	Giỏi	
6	412307	Chu Thị Thu Hà	21/02/1998	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.94	Khá	
7	412310	Nguyễn Đặng Kiên	12/04/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	131	3.25	Giỏi	
8	412312	Phạm Thị Ngọc Oanh	25/02/1998	Hung Yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	3.22	Giỏi	
9	412313	Nông Thị Hương	06/08/1998	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	3.16	Khá	
10	412315	Trần Thị Bình	30/04/1998	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	3.3	Giỏi	
11	412317	Nguyễn Thị Lan Anh	17/11/1998	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.03	Khá	
12	412318	Đỗ Diệu Trang	20/03/1998	Hung Yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	3.36	Giỏi	
13	412319	Nông Đoàn Thu Hiền	10/05/1998	Lâm Đồng	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.92	Khá	
14	412321	Nguyễn Huy Phúc	28/06/1998	Nghệ An.	Nam	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	3.44	Giỏi	
15	412322	Nguyễn Thị Vân Anh	16/02/1998	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	3.32	Giỏi	
16	412323	Tô Thị Vân Thanh	15/09/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	3.31	Giỏi	
17	412324	Lê Hà Tuyết Ngân	18/03/1998	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	139	3.32	Giỏi	
18	412326	Phạm Thị Hồng Nhung	20/11/1998	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	129	2.95	Khá	
19	412327	Nguyễn Thị Huyền	29/07/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	3.29	Giỏi	
20	412328	Nông Thị Thảo Vi	27/06/1997	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	3.35	Giỏi	
21	412329	Nguyễn Thị Minh Thu	06/09/1998	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	3.1	Khá	
22	412330	Lê Hà Vy	10/08/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	131	3.11	Khá	
23	412333	Nguyễn Thị Ngọc Linh	10/01/1998	Thái bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.89	Khá	
24	412334	Đinh Thùy Quỳnh	02/09/1998	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.86	Khá	

25	412336	Phan Thị Thanh	Dung	28/03/1998	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.65	Khá	
26	412337	Nguyễn Như	Quỳnh	09/07/1997	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.83	Khá	
27	412339	Dương Thị Mai	Anh	10/01/1998	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	129	3.6	Xuất sắc	
28	412340	Trần Minh	Hằng	21/01/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	2.76	Khá	
29	412341	Viên Đình	Trung	03/01/1998	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.82	Khá	
30	412342	Lý Huyền	Trang	03/01/1998	Yên Bái	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.89	Khá	
31	412343	Phùng Quang	Hào	13/04/1998	Bắc Ninh	Nam	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3	Khá	
32	412344	Nguyễn Thị	Thủy	30/10/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.09	Khá	
33	412345	Nguyễn Nhật	Linh	16/10/1998	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.91	Khá	
34	412348	Dương Hà	Trang	03/02/1998	Lào Cai	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.81	Khá	
35	412349	Lê Thị	Uyên	02/12/1997	Thanh Hóa	Nữ	Mường	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.59	Khá	
36	412351	Bùi Hải	Uyên	05/05/1997	Thanh Hóa	Nữ	Mường	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.64	Khá	
37	412352	Đinh Kiều	Anh	11/02/1997	Lạng sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.71	Khá	
38	412355	Vũ Ngọc	Diệp	04/09/1998	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	131	3.44	Giỏi	
39	412357	Triệu Thị Ngọc	Liều	08/01/1997	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	126	2.42	bình	
40	412358	Nguyễn Nhật	Minh	27/02/1998	Lâm Đồng	Nam	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	126	2.66	Khá	
41	412402	Nguyễn Tiến	Hoàng	03/12/1998	Hoà Bình	Nam	Mường	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.61	Khá	
42	412403	Lê Hà	Anh	19/01/1998	Thanh Hóa.	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	2.7	Khá	
43	412404	Nguyễn Thanh	Thủy	18/03/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	2.94	Khá	
44	412405	Lê Hải	Vân	02/05/1998	Hà tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	2.94	Khá	
45	412406	Đàm Thị	Như	28/10/1997	Cao Bằng	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.41	Giỏi	
46	412408	Phạm Hồng	Ngọc	24/01/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.24	Giỏi	
47	412411	Phạm Thị Lê	Vy	21/01/1998	Hà Nam	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	3.33	Giỏi	
48	412413	Hoàng Thị	Trung	04/03/1998	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.24	Giỏi	
49	412414	Hoàng Thị	Thuần	09/06/1998	Tuyên Quang	Nữ	Cao Lan	Việt Nam	Luật Kinh tế	2020	127	3.34	Giỏi	
50	412415	Trần Thị Phương	Thảo	05/12/1998	TP Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	3	Khá	
51	412417	Đỗ Văn	Anh	12/05/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	2.73	Khá	
52	412418	Mông Lý Hạ	Uyên	02/05/1998	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.23	Giỏi	
53	412419	Võ Thị	Trình	24/04/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	3.03	Khá	
54	412420	Trần Hoàng	Linh	02/10/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.86	Khá	

55	412423	Nịnh Thị Thuỳ	Trang	20/09/1998	Tuyên Quang	Nữ	Cao Lan	Việt Nam	Luật Kinh tế	2020	132	3.24	Giỏi	
56	412424	Nguyễn Thị	Ánh	10/05/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.29	Giỏi	
57	412425	Ngô Thị Khánh	Huyền	20/02/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.3	Giỏi	
58	412426	Phạm Nhật	Loan	13/12/1998	Yên Bái	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	2.9	Khá	
59	412427	Hồ Thị	Mỹ	12/08/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	2.85	Khá	
60	412429	Hoàng Mai Diệp	Linh	07/08/1998	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	127	2.96	Khá	
61	412432	Đặng Lan	Anh	05/12/1998	Phú Thọ	Nữ	Mường	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3	Khá	
62	412433	Vũ Thùy	Dung	01/02/1998	Lai Châu	Nữ	Thô	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.9	Khá	
63	412436	Ngô Ngọc	Linh	07/07/1998	Hà Tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.38	Giỏi	
64	412437	Hà Thảo	Anh	23/12/1998	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.7	Khá	
65	412439	Vũ Huyền	Linh	24/03/1998	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.9	Khá	
66	412440	Nguyễn Thị	Vui	25/12/1998	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	130	3.21	Giỏi	
67	412442	Bê Bích	Diệp	08/12/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.82	Khá	
68	412443	Nông Thị	Mai	11/06/1997	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.28	Giỏi	
69	412444	Vì Thị	Nga	22/02/1998	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.07	Khá	
70	412445	Phan Thị	Quý	20/05/1998	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.03	Khá	
71	412447	Nguyễn Thị Hải	Yến	27/11/1998	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.89	Khá	
72	412449	Nguyễn Phương	Thảo	12/11/1997	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.94	Khá	
73	412450	Vũ Thảo	Trang	07/10/1998	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.72	Khá	
74	412451	Bùi Ngọc	Anh	04/07/1997	Thanh Hóa	Nữ	Mường	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3	Khá	
75	412454	Nông Huyền	Trang	27/05/1997	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.83	Khá	
76	412455	Phan Lê Quỳnh	Trang	19/12/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.94	Khá	
77	412456	Mỗ Thị Hồng	Ngọc	24/03/1997	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.86	Khá	
78	412457	Phạm Thị	Cúc	17/05/1997	Thanh Hóa	Nữ	Mường	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.84	Khá	
79	412458	Lê Anh	Tuấn	21/03/1998	Thanh Hoá	Nam	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.63	Khá	
80	412504	Nguyễn Phương	Anh	16/11/1998	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.81	Khá	
81	412505	Trần Minh	Châu	15/11/1998	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.61	Khá	
82	412506	Nguyễn Lộc Trang	Thư	06/02/1998	Bắc Kạn	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.22	Giỏi	
83	412507	Hoàng	Anh	03/02/1998	Yên Bái	Nam	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.82	Khá	
84	412509	Nguyễn Thanh	Huyền	12/09/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.71	Khá	

85	412510	Trương Minh	Ngọc	14/08/1998	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.26	Giỏi	
86	412511	Lê Thị	Phương	25/07/1998	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.33	Giỏi	
87	412512	Vũ Thị Ngọc	ánh	18/04/1998	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.25	Giỏi	
88	412513	Dương Thị	Thu	22/08/1998	Cao Bằng	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.26	Giỏi	
89	412514	Hà Dương	Thu	25/05/1998	Bắc Kạn	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.15	Khá	
90	412515	Nguyễn Lan	Nhi	14/08/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.59	Giỏi	
91	412516	Trần Hà Minh	Anh	31/01/1998	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.27	Giỏi	
92	412517	Lê Minh	Hùng	17/07/1996	bắc kạn	Nam	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.77	Khá	
93	412518	Nguyễn Thị Hồng	Minh	04/03/1997	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.98	Khá	
94	412519	Hoàng Thị	Thủy	22/09/1997	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.2	Giỏi	
95	412520	Nông Thị	Vân	19/05/1998	Cao Bằng	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.04	Khá	
96	412521	La Khánh	Hoài	01/07/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.84	Khá	
97	412522	Àu Thị Thúy	Quỳnh	16/12/1998	Hà Giang	Nữ	Cao Lan	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.15	Khá	
98	412523	Đỗ Văn	Hiếu	01/02/1998	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.95	Khá	
99	412524	Đỗ Hoài	Thu	28/07/1998	Lai Châu	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.21	Giỏi	
100	412525	Nguyễn Bảo	Châm	28/10/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.22	Giỏi	
101	412526	Đỗ Khánh	Hạ	05/09/1998	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.34	Giỏi	
102	412527	Phạm Minh	Anh	04/10/1998	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.22	Giỏi	
103	412528	Phạm Minh	Hoàng	26/03/1998	Hà Giang	Nam	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.91	Khá	
104	412529	Đỗ Khánh	Duy	20/09/1998	Tuyên Quang	Nam	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.99	Khá	
105	412530	Vũ Phương	Mai	22/09/1998	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.15	Khá	
106	412531	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	28/01/1998	Lạng sơn	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.82	Khá	
107	412533	Nguyễn Phương	Linh	03/06/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.24	Giỏi	
108	412535	Đặng Thị	Hiền	04/04/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.35	Giỏi	
109	412539	Phạm Văn	Hiếu	12/07/1998	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.06	Khá	
110	412541	Nguyễn Thanh	Thảo	10/11/1998	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.22	Giỏi	
111	412543	Nông Thị Yên	Nhi	10/04/1997	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3	Khá	
112	412544	Bùi Nhật	Linh	18/07/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.04	Khá	
113	412545	Hà Huyền	Lương	08/12/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.81	Khá	
114	412547	Nguyễn Thị Lan	Anh	23/02/1998	Hà Tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.79	Khá	
115	412548	Hoàng Thị	Lam	23/08/1997	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.87	Khá	

116	412553	Lưu Văn	Thành	15/09/1996	Vĩnh Phúc	Nam	Sán Dìu	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.76	Khá	
117	412555	Đỗ Hương	Nga	12/04/1998	Hà Tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.03	Khá	
118	412556	Bê Thị Thu	Thảo	21/12/1997	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.89	Khá	
119	412558	Vy Thị Thùy	Linh	10/11/1997	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.81	Khá	
120	412602	Phạm Thị	Hiện	12/06/1998	Thanh Hóa	Nữ	Mường	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.95	Khá	
121	412603	Đinh Thị Quỳnh	Anh	15/08/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.2	Giỏi	
122	412606	Hoàng Thị Kiều	Dân	24/09/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.2	Giỏi	
123	412609	Lô Văn	Duy	03/09/1998	Quảng Ninh	Nam	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.7	Khá	
124	412611	Bùi Đan	Linh	29/12/1998	Hà Tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.34	Giỏi	
125	412612	Nguyễn Thị Vân	Hồng	19/09/1998	Hung Yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.87	Khá	
126	412613	Phạm Thị	Diệu	02/09/1998	Thanh Hóa	Nữ	Mường	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.16	Khá	
127	412614	Phương Thị	Hảo	14/09/1997	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.05	Khá	
128	412622	Hoàng Ngọc	Ánh	09/10/1998	Tuyên Quang	Nữ	Dao	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.3	Giỏi	
129	412624	Hồ Thị Ngọc	Bích	16/02/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.05	Khá	
130	412626	Nguyễn Thị Mỹ	Lương	24/02/1998	Hung Yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.99	Khá	
131	412627	Trần Thị Khánh	Huyền	15/02/1998	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.99	Khá	
132	412633	La Thị	Lâm	01/09/1998	Quảng Ninh	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.23	Giỏi	
133	412634	Đinh Mỹ	Hạnh	18/10/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.16	Khá	
134	412637	Hoàng Thị	Duyên	12/09/1997	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.86	Khá	
135	412641	Triệu Thu	Hằng	16/07/1997	Yên Bái	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.91	Khá	
136	412643	Nguyễn Thu	Hương	19/10/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.2	Giỏi	
137	412645	Lý Nguyệt	Ánh	13/01/1998	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.23	Giỏi	
138	412648	Đỗ Diệu	Ly	25/10/1997	Bắc Kạn	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.68	Khá	
139	412654	Bùi Khánh	Huyền	26/01/1997	Hòa Bình	Nữ	Mường	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.83	Khá	
140	412655	Nguyễn Phương	Mai	26/08/1997	Thanh Hóa	Nữ	Mường	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.72	Khá	
141	412619	Hoàng ánh	Minh	20/05/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.29	Giỏi	
142	412639	Cà Thị Hà	My	08/08/1998	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.27	Giỏi	
143	412646	Vương Thị	Oanh	05/10/1997	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.95	Khá	
144	412610	Nguyễn Thị Mai	Phương	08/02/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.01	Khá	
145	412628	Lê Đặng Tú	Quyên	11/07/1998	Tuyên Quang	Nữ	Dao	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.87	Khá	
146	412652	Trương Thị	Sang	01/05/1997	Thanh hóa	Nữ	Mường	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.02	Khá	

147	412605	Nguy Thị Tâm	19/05/1998	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.35	Giỏi	
148	412636	Nguyễn Thị Minh Tâm	18/02/1998	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3	Khá	
149	412618	Bùi Thị Thoa	28/04/1997	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.45	Giỏi	
150	412617	Nguyễn Minh Thu	05/10/1998	Lào Cai	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.93	Khá	
151	412623	Nông Thị Thu	13/08/1998	Đắk Lắk	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.06	Khá	
152	412651	Hà Hải Thương	14/11/1998	Thái Nguyên	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.4	Giỏi	
153	412647	Vi Thị Chung	26/03/1998	Yên Bái	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3.21	Giỏi	
154	412629	Nguyễn Kiều Trang	18/11/1998	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.32	Giỏi	
155	412615	Triệu Quỳnh Trang	03/06/1998	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	2.9	Khá	
156	412621	Nguyễn Mạnh Trung	27/10/1998	Hải Phòng	Nam	Kinh	Việt Nam	Kinh tế	2020	132	3.2	Giỏi	
157	412644	Hoàng Thị Hương Trà	24/05/1998	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật Kinh t	2020	128	3.01	Khá	
158	412601	Nguyễn Thu Uyên	23/03/1998	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	Kinh tế	2020	128	3	Khá	
159	412650	Nguyễn Thị Bích Vân	04/06/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Luật Kinh tế	2020	128	3.03	Khá	